

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102243403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần thứ 09 ngày 24 tháng 6 năm 2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD101 Construction Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: HUD101., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 là 10.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tỷ, sáu trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và giao dịch trên sàn UpCOM với mã H11.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Khương	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Ông Trần Vũ Anh	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Bà Vũ Thị Hồng Liễu	Thành viên
Ông Bùi Văn Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2021)
Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2021)
Ông Nguyễn Văn Thứ	Thành viên
Ông Ngô Văn Hòa	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc

Ông Trần Thế Tài	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Ông Nguyễn Đức Khương	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 20/5/2021)
Ông Bùi Văn Quân	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Hùng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



GIÁM ĐỐC

Trần Thế Tài
Giám đốc

Trần Thế Tài

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 165/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Thị Thủy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Lưu Anh Tuấn**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

LƯU ANH TUẤN / 18

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		88.389.681.053	73.655.177.563
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.898.044.444	2.054.949.942
1. Tiền	111		6.898.044.444	2.054.949.942
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.330.000.000	5.330.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	5.330.000.000	5.330.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.778.327.630	47.958.016.169
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	22.664.057.958	21.088.842.548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		112.309.421	112.309.421
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	30.982.202.160	26.756.864.200
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(980.241.909)	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	22.932.219.956	18.311.017.572
1. Hàng tồn kho	141		22.932.219.956	18.311.017.572
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		451.089.023	1.193.880
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	76.232.512	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		329.565.532	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	45.290.979	1.193.880
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		2.228.025.262	584.765.997
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.228.025.262	584.765.997
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.228.025.262	584.765.997
- Nguyên giá	222		3.633.725.094	2.708.369.498
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.405.699.832)	(2.123.603.501)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		90.617.706.315	74.239.943.560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		78.278.566.358	62.028.140.420
I. Nợ ngắn hạn	310		78.278.566.358	62.028.140.420
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	6.939.017.958	2.974.996.669
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	1.670.242.328	5.267.089.471
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	560.607.896	656.473.690
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	34.848.547.722	25.781.294.748
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	34.253.189.941	27.341.325.329
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.960.513	6.960.513
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		12.339.139.957	12.211.803.140
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	12.339.139.957	12.211.803.140
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.600.000.000	10.600.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>10.600.000.000</i>	<i>10.600.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.432.445.058	1.432.445.058
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		306.694.899	179.358.082
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>179.358.082</i>	<i>(20.753.867)</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>127.336.817</i>	<i>200.111.949</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		90.617.706.315	74.239.943.560

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thu Nga

Kế toán trưởng



Phạm Văn Khắc

Giám đốc



Trần Thế Tài

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	107.229.562.261	44.226.086.169
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		107.229.562.261	44.226.086.169
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	100.109.069.146	40.783.139.022
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		7.120.493.115	3.442.947.147
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	345.394.681	304.360.269
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.791.623.279	1.314.415.504
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.791.623.279	1.314.415.504
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.491.528.225	2.341.848.560
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.182.736.292	91.043.352
11. Thu nhập khác	31		272.727.273	165.503.795
12. Chi phí khác	32		1.640.985.653	20.518.598
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(1.368.258.380)	144.985.197
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		814.477.912	236.028.549
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	687.141.095	35.916.600
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		127.336.817	200.111.949
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	120	189

Người lập biểu



Nguyễn Thu Nga

Kế toán trưởng



Phạm Văn Khắc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



Trần Thế Tài

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		55.535.239.086	41.585.154.502
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(50.162.708.281)	(41.423.718.475)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.413.300.295)	(1.937.323.212)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.135.320.389)	(1.942.947.413)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(447.205.710)	(35.730.027)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	3.500.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.027.418.368)	(1.098.351.859)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(650.713.957)	(4.849.416.484)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.763.450.834)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.100.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		345.394.681	304.360.269
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.418.056.153)	(795.639.731)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		51.270.165.667	41.119.517.058
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(44.358.301.055)	(37.377.623.589)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.911.864.612	3.741.893.469
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.843.094.502	(1.903.162.746)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.054.949.942	3.958.112.688
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	6.898.044.444	2.054.949.942

Người lập biểu



Nguyễn Thu Nga

Kế toán trưởng



Phạm Văn Khắc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Giám đốc



Trần Thế Tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102243403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần thứ 09 ngày 24 tháng 6 năm 2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD101 Construction Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: HUD101., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 09 là 10.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ, sáu trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 37 người (tại 31/12/2020 là 28 người)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, phục vụ công nghệ xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị xây dựng; Mua bán các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; cho thuê giàn giáo cốp pha;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất các công trình, hạng mục công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình, hạng mục công trình xây dựng; dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt các công trình, hạng mục công trình xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp;
- Lắp đặt: thiết bị kỹ thuật công trình xây dựng, hệ thống cứu hỏa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2021 là lĩnh vực xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đối với hoạt động thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường theo thời gian thi công của các công trình/dự án.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	03 - 07

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian sử dụng hữu ích của công cụ, dụng cụ nhưng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,
P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	4.206.199.060	864.383.036
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.691.845.384	1.190.566.906
Tổng	6.898.044.444	2.054.949.942

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.330.000.000	5.330.000.000	5.330.000.000	5.330.000.000
	5.330.000.000	5.330.000.000	5.330.000.000	5.330.000.000

5.3 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	22.664.057.958	21.088.842.548
Công ty TNHH Kinh doanh vật tư thiết bị	3.775.004.175	3.775.004.175
Công ty CP TĐ ĐT XD và du lịch Bảo Sơn	1.449.704.300	6.357.304.020
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	570.044.309	3.477.696.784
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 4	3.050.395.700	3.330.472.000
Công ty cổ phần XL điện và HTKT số 33	413.737.716	413.737.716
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	800.333.299	800.333.299
Sở giao thông vận tải Bắc Ninh	-	22.982.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	9.773.525.905	-
Đối tượng khác	2.831.312.554	2.911.312.554
Trong đó: Phải thu các bên liên quan	10.573.859.204	800.333.299
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)</i>		
Tổng	22.664.057.958	21.088.842.548

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,

P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	30.982.202.160	-	26.756.864.200	-
Tạm ứng	30.727.912.509	-	26.607.452.275	-
Phải thu ngắn hạn khác	254.289.651	-	149.411.925	-
Tổng	30.982.202.160	-	26.756.864.200	-

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	980.241.909	-	980.241.909	980.241.909

Công ty xác định giá trị có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này

Trong đó:

	Quá hạn trên 3 năm
BQL CTKCH kênh mương - Lương Sơn - HB	30.132.000
Công ty CP đầu tư xây dựng Hà Nội H&H	238.000.000
Công ty cổ phần XD Hoàng Hương	173.077.600
Công ty CP đầu tư và xây dựng đô thị Hà Nội	60.656.000
Công ty CP máy thiết bị, TM và XD Long Thành	120.787.310
Công ty cổ phần đầu tư Ngân Giang	48.660.000
Công ty TNHH TM và TB cơ giới XD Tân Đạt	112.819.999
Công ty cổ phần đầu tư thiết bị xây dựng Hà Nội	196.109.000
Tổng	980.241.909

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,
P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà NộiMẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.932.219.956	-	18.311.017.572	-
Tổng	22.932.219.956	-	18.311.017.572	-

Chi tiết theo công trình:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Xây dựng nhà ở thấp tầng lô C46	-	1.855.827.779
San nền, đường hè, TNM- Tây Linh Đàm Đội 7	1.153.780.520	1.153.780.520
San nền, ĐGT, TNM, TNT phần 1 HTKT Mai Trai	1.566.060.451	1.470.585.309
GT:GT: TC(LKV-12) khu ĐT HUD - Sơn Tây HĐ 136/20	-	2.808.404.787
154:GT: GT-TNT-01/17 ĐT XD HTKT Khu ĐTM Phú Mỹ H	1.573.380.741	1.573.380.741
GT XL6-22 HTKT TNM, NT, Lát hè KV3 Khu ĐTM Đông	-	1.426.774.434
Thi công gói thầu số 8A - HTKT Linh Đàm:Thi công	514.544.442	514.544.442
GT NLK-06/19 ĐT XD CT khu nhà ở TM tuyến phố TT	978.749.134	942.492.771
Xây dựng móng, phần thô, hoàn thiện 40 căn nhà ở, TM & DV VSIP	3.005.502.770	-
HTKT-01/21 Rải BTN, lát vỉa hè khu ĐT Thanh Lâm	931.206.000	-
Nhà ở thấp tầng liên kế vườn lô LKV-07 HĐ 394/21	2.266.613.374	-
Xây thô HT lô BT01, BT01A, BT3, BT05, LK13 KĐT S	6.682.858.597	-
Công trình khác	4.259.523.927	6.565.226.789
Tổng	22.932.219.956	18.311.017.572

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	76.232.512	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	21.527.272	-
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	54.705.240	-
Tổng	76.232.512	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>01/01/2021</u>	<u>Số phải thu trong năm</u>	<u>Số đã thu trong năm</u>	<u>31/12/2021</u>
Phải thu	1.193.880	44.097.099	-	45.290.979
Các khoản phí lệ phí và các khoản nộp thừa khác	1.193.880	44.097.099	-	45.290.979
	<u>01/01/2021</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>31/12/2021</u>
Phải nộp	656.473.690	1.155.398.086	1.295.360.979	560.607.896
Thuế giá trị gia tăng	174.501.889	465.256.991	639.758.880	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	313.524.369	687.141.095	447.205.710	553.459.754
Thuế thu nhập cá nhân	7.148.142	-	-	7.148.142
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	161.299.290	-	205.396.389	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,
P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Tổng
Số dư tại 01/01/2021	-	992.380.952	1.671.952.182	44.036.364	2.708.369.498
Tăng trong năm	1.609.450.834	-	-	154.000.000	1.763.450.834
Mua trong năm	1.609.450.834	-	-	154.000.000	1.763.450.834
Giảm trong năm	-	838.095.238	-	-	838.095.238
Thanh lý, nhượng bán	-	838.095.238	-	-	838.095.238
Số dư tại 31/12/2021	1.609.450.834	154.285.714	1.671.952.182	198.036.364	3.633.725.094
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	-	992.380.952	1.087.186.185	44.036.364	2.123.603.501
Tăng trong năm	15.781.412	-	99.560.157	4.850.000	120.191.569
Khấu hao trong năm	15.781.412	-	99.560.157	4.850.000	120.191.569
Giảm trong năm	-	838.095.238	-	-	838.095.238
Thanh lý, nhượng bán	-	838.095.238	-	-	838.095.238
Số dư tại 31/12/2021	15.781.412	154.285.714	1.186.746.342	48.886.364	1.405.699.832
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2021	-	-	584.765.997	-	584.765.997
Số dư tại 31/12/2021	1.593.669.422	-	485.205.840	149.150.000	2.228.025.262

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 870.674.260 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 1.708.769.498 đồng).
Giá trị còn lại tài sản cố định thể chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là: 485.205.840 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 584.765.997 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,

P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	6.939.017.958	6.939.017.958	2.974.996.669	2.974.996.669
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn và cơ khí Bình Dương	352.455.494	352.455.494	352.455.494	352.455.494
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị HUDSE	1.075.824.470	1.075.824.470	899.166.940	899.166.940
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 1	700.093.321	700.093.321	700.093.321	700.093.321
Công ty TNHH XD Việt Hưng	430.612.000	430.612.000	430.612.000	430.612.000
Công ty CP vật liệu xây dựng Bắc Dương	3.778.744.759	3.778.744.759	-	-
Đối tượng khác	601.287.914	601.287.914	592.668.914	592.668.914
Trong đó: Phải trả các bên liên quan	700.093.321	700.093.321	700.093.321	700.093.321
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)</i>				
Tổng	6.939.017.958	6.939.017.958	2.974.996.669	2.974.996.669

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	1.670.242.328	5.267.089.471
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	-	5.247.079.643
Nhà máy Z119 Quân chủng phòng không không quân	1.650.232.500	-
Đối tượng khác	20.009.828	20.009.828
Trong đó: các bên liên quan trả trước	-	5.247.079.643
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)</i>		
Tổng	1.670.242.328	5.267.089.471

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,

P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	34.848.547.722	25.781.294.748
Kinh phí công đoàn	448.262.359	445.293.092
Bảo hiểm xã hội;	-	28.869.914
Bảo hiểm thất nghiệp	64.370.124	72.593.264
Các khoản phải trả, phải nộp khác. Trong đó:		
<i>Phải trả các đội thi công</i>	<i>33.616.442.598</i>	<i>24.637.438.948</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>162.180.000</i>	<i>162.180.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>557.292.641</i>	<i>434.919.530</i>
Tổng	34.848.547.722	25.781.294.748

010
NG
NH
T
E
N

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,
P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.13 Vay và Nợ thuê tài chính

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị	34.253.189.941			Giá trị	27.341.325.329
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	34.253.189.941	34.253.189.941	51.270.165.667	44.358.301.055	27.341.325.329	27.341.325.329
Việt Nam - CN Hà Nội (1)	33.853.189.941	33.853.189.941	51.270.165.667	44.358.301.055	26.941.325.329	26.941.325.329
Vay cá nhân (2)	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000
Tổng	34.253.189.941	34.253.189.941	51.270.165.667	44.358.301.055	27.341.325.329	27.341.325.329

Đơn vị tính: VND

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/1619316/HHTD ngày 21/10/2021. Hạn mức tín dụng thường xuyên: 60.000.000.000 đồng, trong đó dư nợ cho vay, bảo lãnh thanh toán và mở L/C trừ kỷ quỹ tối đa tại mọi thời điểm là 35.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Biện pháp đảm bảo: là các hợp đồng cầm cố tiền gửi, cầm cố tài sản, thế chấp quyền tài sản, thế chấp hàng và Công ty; hợp đồng cầm cố tài sản bên thứ 3, hợp đồng thế chấp BĐS giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Đức Khương; Hợp đồng cầm cố tiền gửi giữa Ngân hàng, ông Phạm Văn Khắc và Bà Nguyễn Thị Thu Trang; hợp đồng cầm cố tiền gửi giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Trung Hùng, bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

(2) Vay vốn của các cá nhân trong Công ty, lãi suất 0%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,

P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	10.600.000.000	1.432.445.058	(20.753.867)	12.011.691.191
Tăng trong năm	-	-	200.111.949	200.111.949
Lãi trong năm trước	-	-	200.111.949	200.111.949
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	10.600.000.000	1.432.445.058	179.358.082	12.211.803.140
Số dư tại 01/01/2021	10.600.000.000	1.432.445.058	179.358.082	12.211.803.140
Tăng trong năm	-	-	127.336.817	127.336.817
Lãi trong năm nay	-	-	127.336.817	127.336.817
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	10.600.000.000	1.432.445.058	306.694.899	12.339.139.957

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	5.406.000.000	5.406.000.000
Cổ đông khác	5.194.000.000	5.194.000.000
Tổng	10.600.000.000	10.600.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	10.600.000.000	10.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	10.600.000.000	10.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,
P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.060.000	1.060.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.060.000	1.060.000
Cổ phiếu phổ thông	1.060.000	1.060.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.060.000	1.060.000
Cổ phiếu phổ thông	1.060.000	1.060.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.432.445.058	1.432.445.058
Tổng	1.432.445.058	1.432.445.058

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.000.000	1.318.277.988
Doanh thu hoạt động xây lắp	107.179.562.261	42.907.808.181
Tổng	107.229.562.261	44.226.086.169
<i>Trong đó: Doanh thu với bên liên quan</i> <i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>57.446.649.262</i>	<i>1.647.742.727</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	1.294.846.137
Giá vốn hoạt động xây lắp	100.109.069.146	39.488.292.885
Tổng	100.109.069.146	40.783.139.022

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,
P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	345.394.681	304.360.269
Tổng	345.394.681	304.360.269

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	1.791.623.279	1.314.415.504
Tổng	1.791.623.279	1.314.415.504

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.491.528.225	2.341.848.560
Chi phí nhân viên quản lý	2.014.377.497	1.661.405.652
Chi phí khấu hao	120.191.569	99.560.160
Thuế phí và lệ phí	14.691.632	40.186.143
Chi phí dự phòng	980.241.909	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.123.618	515.293.787
Chi phí bằng tiền khác	12.902.000	25.402.818

6.6 Thu nhập khác, chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Bán cố pha	-	120.049.250
Lãi thanh lý TSCĐ	272.727.273	45.454.545
Tổng	272.727.273	165.503.795
Chi phí khác		
Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm và thuế	35.401.746	20.518.598
Chi phí dở dang các công trình đã quyết toán	1.605.583.907	-
Tổng	1.640.985.653	20.518.598
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(1.368.258.380)	144.985.197

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,

P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.7 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	814.477.912	236.028.549
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng	2.621.227.562	20.518.598
<i>Các khoản truy thu, phạt thuế</i>	<i>29.217.375</i>	<i>10.785.684</i>
<i>Phạt bảo hiểm</i>	<i>6.184.371</i>	<i>9.732.914</i>
<i>Chi phí dở dang các công trình đã quyết toán</i>	<i>1.605.583.907</i>	-
<i>Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi trích năm 2021</i>	<i>980.241.909</i>	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.435.705.474	256.547.147
Thu nhập chịu thuế	3.435.705.474	256.547.147
Thuế suất hiện hành		
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.374.282.190	71.833.200
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	687.141.095	51.309.429
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ	-	(15.392.829)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	687.141.095	35.916.600

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	127.336.817	200.111.949
Các khoản điều chỉnh:		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	127.336.817	200.111.949
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.060.000	1.060.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	120	189

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	67.520.788.056	22.770.917.524
Chi phí nhân công	34.984.638.825	18.641.408.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120.191.569	99.560.160
Chi phí dự phòng	980.241.909	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.076.971.717	1.036.690.455
Chi phí khác bằng tiền	144.551.586	1.128.386.097
Tổng	109.827.383.662	43.676.962.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển HUD 1	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02	Cùng Công ty mẹ
Nguyễn Đức Khương	Chủ tịch HĐQT
Trần Vũ Anh	Nguyên Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Trung Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
Bùi Văn Quân	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
Trần Thế Tài	Giám đốc
Vũ Thị Hồng Liễu	Thành viên HĐQT
Nguyễn Thị Hiền	Trưởng BKS
Nguyễn Văn Thứ	Thành viên BKS
Ngô Văn Hòa	Thành viên BKS
Bùi Huy Phúc	Người UQ CBTT
Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan	

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng Quản trị			
Nguyễn Đức Khương	Chủ tịch HĐQT	154.063.258	160.100.000
Trần Vũ Anh	Nguyên Chủ tịch HĐQT	-	5.500.000
Nguyễn Trung Hùng	Thành viên HĐQT	142.528.760	136.500.000
Bùi Văn Quân	Thành viên HĐQT	140.488.476	147.900.000
Vũ Thị Hồng Liễu	Thành viên HĐQT	-	5.500.000
Tổng		437.080.494	455.500.000
Ban Kiểm soát			
Nguyễn Thị Hiền	Trưởng BKS	64.860.994	39.980.607
Nguyễn Văn Thứ	Thành viên BKS	112.445.485	104.300.227
Ngô Văn Hòa	Thành viên BKS	92.717.385	87.846.233
Tổng		270.023.864	232.127.067
Ban Giám đốc			
Trần Thế Tài	Giám đốc	89.948.064	-
Nguyễn Trung Hùng	Phó Giám đốc	142.528.760	136.500.000
Bùi Văn Quân	Phó Giám đốc	140.488.476	147.900.000
Tổng		372.965.300	284.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,

P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Số dư với các bên liên quan**

Các khoản phải trả	Mối quan hệ	Nội dung	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	Công ty mẹ	Phải trả người bán	270.000.000	270.000.000
		Phải trả người bán	430.093.321	430.093.321
		Người mua trả tiền trước	-	5.247.079.643

Các khoản phải thu	Mối quan hệ	Nội dung	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	800.333.299	800.333.299
	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng	9.773.525.905	-

c. Giao dịch với các bên liên quan

Mua hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển HUD 1	Công ty mẹ	Mua căn hộ	1.578.144.925	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng An Tài Phát	Người có liên quan của Giám đốc và Giám đốc điều hành	Mua nguyên vật liệu, thuê cầu	4.480.578.773	-

Bán hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển HUD 1	Công ty mẹ	Xây lắp	57.446.649.262	1.647.742.727

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Nguyễn Thu Nga

Kế toán trưởng



Phạm Văn Khắc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Giám đốc

 Trần Thế Tài